

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TRỰC TUYẾN FPT**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thang Đức Thắng	Chủ tịch
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó Chủ tịch
Ông Trương Đình Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Lâm Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Nguyễn Đức Việt Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Khoa	Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Nguyễn Đức Việt Dũng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Công Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc	Giám đốc tài chính

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Khoa
Giám đốc điều hành
Ngày 28 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014, từ trang 3 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 28 tháng 02 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		231.734.377.583	257.858.592.030
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	141.065.560.829	118.718.286.351
1. Tiền	111		19.495.261.255	42.753.229.655
2. Các khoản tương đương tiền	112		121.570.299.574	75.965.056.696
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	4.000.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.000.000.000	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.657.017.730	116.997.837.582
1. Phải thu khách hàng	131		63.402.480.420	59.404.494.458
2. Trả trước cho người bán	132		7.907.241.211	9.845.523.504
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1.822.238.884	50.715.450.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.474.942.785)	(2.967.630.850)
IV. Hàng tồn kho	140		1.327.934.319	9.106.733.043
1. Hàng tồn kho	141	8	1.327.934.319	9.106.733.043
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.683.864.705	9.035.735.054
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.116.767.718	5.071.741.052
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.567.096.987	3.963.994.002
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		152.523.370.005	124.199.129.816
I. Tài sản cố định	220		33.077.004.272	60.487.778.329
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	25.511.996.889	51.881.190.166
- Nguyên giá	222		82.847.071.389	110.228.741.967
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.335.074.500)	(58.347.551.801)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	320.157.383	15.203.901
- Nguyên giá	228		21.627.278.335	21.342.237.814
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.307.120.952)	(21.327.033.913)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	7.244.850.000	8.591.384.262
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.065.327.543	5.065.327.543
1. Đầu tư dài hạn khác	258		5.065.327.543	5.065.327.543
III. Tài sản dài hạn khác	260		114.381.038.190	58.646.023.944
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	107.239.465.607	50.624.053.265
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	6.599.152.633	5.284.520.803
3. Tài sản dài hạn khác	268		542.419.950	2.737.449.876
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		384.257.747.588	382.057.721.846

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		112.807.487.296	98.042.051.322
I. Nợ ngắn hạn	310		112.807.219.256	98.015.728.062
1. Phải trả người bán	312		21.800.833.565	16.324.328.205
2. Người mua trả tiền trước	313		6.374.064.232	1.706.621.614
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	6.325.445.625	11.757.508.515
4. Phải trả người lao động	315		3.005.519.318	93.098.879
5. Chi phí phải trả	316		44.337.437.173	32.320.518.713
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.495.638.231	2.495.397.883
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	16	11.138.402.972	22.414.223.806
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		18.329.878.140	10.904.030.447
II. Nợ dài hạn	330		268.040	26.323.260
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	21.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		268.040	5.323.260
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		251.800.771.449	259.644.534.135
I. Vốn cổ đông	410	17	251.800.771.449	259.644.534.135
1. Vốn điều lệ	411		140.853.360.000	140.853.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.944.062.045	12.944.062.045
3. Cổ phiếu quỹ	414		(261.410.000)	(89.750.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		98.264.759.404	105.936.862.090
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	17	19.649.488.843	24.371.136.389
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		384.257.747.588	382.057.721.846

Nguyễn Ngọc Duy Sinh
 Người lập biểu

Hồ Quốc Quân
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khoa
 Giám đốc điều hành
 Ngày 28 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2013	2012
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.057.443.694.379	1.815.518.632.390
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.383.919.981	3.187.773.382
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	1.048.059.774.398	1.812.330.859.008
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	700.098.439.537	1.433.909.439.648
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		347.961.334.861	378.421.419.360
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.358.592.315	13.426.875.036
7. Chi phí tài chính	22		123.578.448	201.171.592
8. Chi phí bán hàng	24		85.111.405.385	71.751.224.645
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		120.460.195.690	116.243.621.585
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		147.624.747.653	203.652.276.574
11. Thu nhập khác	31		8.744.882.960	162.808.351
12. Chi phí khác	32		16.557.848.906	748.839.838
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(7.812.965.946)	(586.031.487)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		139.811.781.707	203.066.245.087
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	29.745.571.235	43.782.508.880
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	21	(1.314.631.829)	1.253.454.799
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		111.380.842.301	158.030.281.408
Trong đó:				
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		2.239.972.454	6.483.463.769
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		109.140.869.847	151.546.817.639
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	7.753	11.004

Nguyễn Ngọc Duy Sinh
 Người lập biểu

Hồ Quốc Quân
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT
 QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Khoa
 Giám đốc điều hành
 Ngày 28 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	139.811.781.707	203.066.245.087
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	18.476.039.847	21.061.552.694
Các khoản dự phòng	03	1.507.311.935	-
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(273.831.791)	-
Lỗ/(Lãi) thanh lý tài sản cố định	04	4.720.959.619	(30.911.440)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.084.760.524)	(13.426.875.036)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	159.157.500.793	210.670.011.305
Thay đổi các khoản phải thu	09	43.413.452.104	(23.894.620.032)
Thay đổi hàng tồn kho	10	7.778.798.724	9.005.256.773
Thay đổi các khoản phải trả	11	5.923.286.311	(44.729.807.980)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(59.616.360.213)	(3.323.277.342)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(32.041.505.802)	(59.782.868.298)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(176.741.804)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	124.438.430.113	87.944.694.426
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.928.240.282)	(29.221.599.353)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.148.298.831	256.687.255
3. Tăng các khoản đầu tư	25	-	(5.065.327.543)
4. Lãi tiền gửi nhận được	27	5.084.760.524	13.426.875.036
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.304.819.073	(20.603.364.605)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	-	16.065.180.000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(171.660.000)	(97.690.000)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(105.498.146.499)	(77.435.709.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(105.669.806.499)	(61.468.219.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	22.073.442.687	5.873.110.321
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	118.718.286.351	112.845.176.030
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	273.831.791	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	141.065.560.829	118.718.286.351

Nguyễn Ngọc Duy Sinh
Người lập biểu

Hồ Quốc Quân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khoa
Giám đốc điều hành
Ngày 28 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần 10 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305045911 ngày 20 tháng 5 năm 2013.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 880 (31 tháng 12 năm 2012: 963).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ viễn thông, dịch vụ quảng cáo trực tuyến, dịch vụ truy cập internet, dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng internet, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử; kinh doanh các trò chơi điện tử và các dịch vụ trực tuyến khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

500-0
NHÂN
IG T
LIỆM H
OIT
I NA
P. HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm chi phí mua giấy phép kinh doanh trò chơi trực tuyến và phần mềm máy tính. Chi phí mua giấy phép và phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị và chi phí lãi vay hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm phí bản quyền và các chi phí ban đầu khác để cài đặt đưa các trò chơi trực tuyến vào sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê nhà, chi phí bản quyền trả trước, chi phí xây dựng website, và các loại chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê nhà thể hiện số tiền thuê nhà đã được trả trước. Tiền thuê nhà trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí bản quyền trả trước, chi phí xây dựng website và các loại chi phí trả trước dài hạn khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ bán thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm được trích lập không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	531.410.601	862.667.572
Tiền gửi ngân hàng	18.963.850.654	41.890.562.083
Các khoản tương đương tiền	121.570.299.574	75.965.056.696
	<u><u>141.065.560.829</u></u>	<u><u>118.718.286.351</u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ và đồng Việt Nam với mức lãi suất từ 0,25% đến 6,9% một năm (năm 2012: từ 0,5% đến 14% một năm). Thời hạn của khoản tiền gửi này là 01 tháng kể từ ngày bắt đầu gửi tiền.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	3.700.000.000	3.700.000.000
Công ty TNHH Đầu tư FC	300.000.000	300.000.000
	<u><u>4.000.000.000</u></u>	<u><u>4.000.000.000</u></u>

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản ủy thác đầu tư có thời hạn 1 năm từ tháng 3 năm 2013 đến tháng 3 năm 2014.

2500
 NHẢY
 ĐÔNG T
 NHÌEM H
 LOIT
 T NA
 TP. HC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ứng tiền xây dựng nhà văn phòng	-	50.000.000.000
Phải thu khác	1.822.238.884	715.450.470
	<u>1.822.238.884</u>	<u>50.715.450.470</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	847.070.341	6.523.161.551
Công cụ, dụng cụ	272.391.010	1.990.027.238
Hàng hoá	208.472.968	593.544.254
Cộng	<u>1.327.934.319</u>	<u>9.106.733.043</u>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	3.189.859.526	107.038.882.441	110.228.741.967
Tăng trong năm	-	2.598.755.005	2.598.755.005
Tăng khác	-	114.439.001	114.439.001
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(1.146.295.576)	(19.613.583.572)	(20.759.879.148)
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.549.212.292)	(8.549.212.292)
Giảm khác	-	(785.773.144)	(785.773.144)
Tại ngày 31/12/2013	<u>2.043.563.950</u>	<u>80.803.507.439</u>	<u>82.847.071.389</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	2.654.938.860	55.692.612.941	58.347.551.801
Khấu hao trong năm	183.927.253	18.267.580.799	18.451.508.052
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(870.885.557)	(15.913.145.954)	(16.784.031.511)
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.679.953.842)	(2.679.953.842)
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.967.980.556</u>	<u>55.367.093.944</u>	<u>57.335.074.500</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	<u>75.583.394</u>	<u>25.436.413.495</u>	<u>25.511.996.889</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>534.920.666</u>	<u>51.346.269.500</u>	<u>51.881.190.166</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 34.985.855.584 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 35.304.706.552 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giấy phép VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	20.129.700.449	1.212.537.365	21.342.237.814
Tăng trong năm	-	329.485.277	329.485.277
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(27.323.438)	(17.121.318)	(44.444.756)
Tại ngày 31/12/2013	<u>20.102.377.011</u>	<u>1.524.901.324</u>	<u>21.627.278.335</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	20.129.700.449	1.197.333.464	21.327.033.913
Khấu hao trong năm	-	24.531.795	24.531.795
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(27.323.438)	(17.121.318)	(44.444.756)
Tại ngày 31/12/2013	<u>20.102.377.011</u>	<u>1.204.743.941</u>	<u>21.307.120.952</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>320.157.383</u>	<u>320.157.383</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>-</u>	<u>15.203.901</u>	<u>15.203.901</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tại ngày 1/1	8.591.384.262	6.224.340.000
Tăng trong năm	8.930.350.000	11.267.823.151
Giảm khác	(10.276.884.262)	(8.900.778.889)
Tại ngày 31/12	<u>7.244.850.000</u>	<u>8.591.384.262</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư (VND)	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	Số 357 Phố Thống Nhất, Thị trấn Me, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	3.000.000.000	60,00%	Phân phối thẻ trả trước: thẻ game, thẻ viễn thông
Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT	Số 153, Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.000.000.000	60,00%	Sản xuất phần mềm
Công ty Cổ phần FPT Payment Technology	Số 408 Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	19.444.687.917	71,84%	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet, dịch vụ truy cập và xử lý số liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Trực tuyến Quốc tế FPT	Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành, 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, Hà Nội	5.000.000.000	100,00%	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
		<u><u>30.444.687.917</u></u>		

Trong năm 2013, Công ty đã rút một phần vốn góp tại Công ty Cổ phần FPT Payment Technology với số tiền là 4.855.312.083 đồng. Ngoài ra, các công ty khác cũng rút một phần vốn góp với số tiền tương ứng là 6.913.620.000 đồng. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã sở hữu 71,84% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT Payment Technology và có quyền biểu quyết tương đương 71,84%.

Trong năm 2013, Công ty Cổ phần FPT Payment Technology, Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate và Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT đã tạm ngừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Bản quyền, phần mềm	32.399.522.205	44.335.706.879
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác	74.839.943.402	6.288.346.386
	<u><u>107.239.465.607</u></u>	<u><u>50.624.053.265</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước:

	Doanh thu chưa thực hiện VND
Tại ngày 01/01/2012	6.537.975.602
Chuyển sang lợi nhuận	<u>(1.253.454.799)</u>
Tại ngày 01/01/2013	5.284.520.803
Chuyển sang lợi nhuận	<u>1.314.631.830</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>6.599.152.633</u></u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	204.312.059	2.639.410.927
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.296.537.208	6.415.729.972
Thuế thu nhập cá nhân	520.656.229	1.389.292.909
Các loại thuế khác	1.303.940.129	1.313.074.707
	<u><u>6.325.445.625</u></u>	<u><u>11.757.508.515</u></u>

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Trong năm 2013, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận sau thuế với số tiền tương ứng là 11.138.084.230 đồng, theo Điều lệ của Công ty. Việc phân chia quỹ này cũng như phương án phân chia lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 dự kiến sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

17. VỐN CỔ ĐỒNG

Tình hình biến động vốn cổ đồng trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND	Lợi ích của cổ đồng thiểu số VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	103.899.850.000	12.944.062.045	(269.260.000)	82.207.112.092	198.781.764.137	4.474.872.620	203.256.636.757
Phát hành cổ phiếu	2.375.180.000	-	-	-	2.375.180.000	13.690.000.000	16.065.180.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	179.510.000	-	179.510.000	(277.200.000)	(97.690.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	151.546.817.639	151.546.817.639	6.483.463.769	158.030.281.408
Tặng khác	34.578.330.000	-	-	(34.578.330.000)	-	-	-
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	(15.803.028.141)	(15.803.028.141)	-	(15.803.028.141)
Giảm khác	-	-	-	(77.435.709.500)	(77.435.709.500)	-	(77.435.709.500)
Số dư tại ngày 01/01/2013	140.853.360.000	12.944.062.045	(89.750.000)	105.936.862.090	259.644.534.135	24.371.136.389	284.015.670.524
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(171.660.000)	-	(171.660.000)	-	(171.660.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	109.140.869.847	109.140.869.847	2.239.972.454	111.380.842.301
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	(11.138.084.230)	(11.138.084.230)	-	(11.138.084.230)
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(105.498.146.499)	(105.498.146.499)	-	(105.498.146.499)
Giảm khác (***)	-	-	-	(176.741.804)	(176.741.804)	(6.961.620.000)	(7.138.361.804)
Số dư tại ngày 31/12/2013	140.853.360.000	12.944.062.045	(261.410.000)	98.264.759.404	251.800.771.449	19.649.488.843	271.450.260.292

(*): Trong năm 2013, Công ty đã công bố chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2012 và tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2013 cho các cổ đồng với số tiền là 105.498.146.499 VND, chi tiết như sau:

- Theo Nghị quyết số 02-2013/FO/NQ-DHDCD ngày 02 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng cổ đồng của Công ty đã phê duyệt chia cổ tức của năm 2012 là 80% trên mệnh giá cổ phần (8.000 đồng/cổ phần) tương đương với số tiền 112.613.737.000 đồng. Trừ số đã tạm ứng trong năm 2012, số cổ tức được công bố và chia trong năm 2013 là 35.178.027.500 VND.
- Tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2013 với tỷ lệ 30%/mệnh giá cổ phần, tổng số tiền 42.203.505.000 VND tại Thông báo số 02-2013/TB-FO của HĐQT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Hội đồng Quản trị.
- Tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2013 với tỷ lệ 20%/mệnh giá cổ phần, tổng số tiền 28.116.614.000 VND tại Thông báo số 03-2013/TB-FO của HĐQT ngày 3 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng Quản trị.

(**): Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi; xem thuyết minh số 16.

(***) : Giảm khác của lợi ích cổ đồng thiểu số thể hiện khoản rút vốn của các cổ đồng thiểu số tại Công ty Cổ phần FPT Payment Technology.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VỐN CỔ ĐÔNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty đã được cổ đông góp đủ. Chi tiết vốn góp của các cổ đông của Công ty như sau:

Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần FPT	2.106.666	14,96	21.066.660.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	8.327.758	59,12	83.277.580.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	1.402.220	9,96	14.022.200.000
Cổ đông ưu đãi	19.000	0,13	190.000.000
Cổ đông phổ thông khác	2.229.692	15,83	22.296.920.000
	14.085.336	100	140.853.360.000

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty:

	2013		2012	
	Số lượng cổ phiếu	Số tiền VND	Số lượng cổ phiếu	Số tiền VND
Vốn cổ phần được duyệt	14.085.336	140.853.360.000	14.085.336	140.853.360.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.725.001	137.250.010.000	13.725.001	137.250.010.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	360.335	3.603.350.000	360.335	3.603.350.000
	14.085.336	140.853.360.000	14.085.336	140.853.360.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(26.141)	(261.410.000)	(8.975)	(89.750.000)
	(26.141)	(261.410.000)	(8.975)	(89.750.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.725.001	137.250.010.000	13.725.001	137.250.010.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	334.194	3.341.940.000	351.360	3.513.600.000
	14.059.195	140.591.950.000	14.076.361	140.763.610.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ phiếu quỹ phản ánh số cổ phiếu mua lại từ những nhân viên cũ không còn làm việc tại Công ty.

Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 VND. Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phiếu này không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.057.443.694.379	1.815.518.632.390
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	215.384.482.946	984.931.521.367
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	842.059.211.433	830.587.111.023
Các khoản giảm trừ doanh thu	(9.383.919.981)	(3.187.773.382)
- Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>(9.383.919.981)</u>	<u>(3.187.773.382)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.048.059.774.398</u>	<u>1.812.330.859.008</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	215.277.328.235	993.017.237.655
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	484.821.111.302	440.892.201.993
	<u>700.098.439.537</u>	<u>1.433.909.439.648</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân công	156.899.717.772	133.966.948.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.476.039.847	42.905.697.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.788.165.222	1.231.102.356.891
Các chi phí khác	134.593.551.811	213.929.282.305
	<u>335.757.474.652</u>	<u>1.621.904.285.878</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2013 VND	2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	139.811.781.707	203.066.245.087
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện năm nay	(9.176.044.122)	(309.835.517)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		
Lợi nhuận từ việc đánh giá lại chênh lệch tỷ giá	(881.743.412)	(710.176.953)
Thu nhập không chịu thuế khác (i)	(6.095.977.556)	-
Phân bổ từ doanh thu chưa thực hiện năm trước	(19.025.825.910)	(13.202.605.776)
Cộng: Doanh thu dịch vụ nhận trước đã xuất hóa đơn	26.451.673.606	8.188.786.581
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		
Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện năm trước	309.835.517	599.144.865
Chi phí không hợp lý	923.873.042	828.818.664
Điều chỉnh ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất (ii)	(22.502.321.611)	16.199.123.449
Điều chỉnh lỗ/(Lợi nhuận) các công ty con	9.167.033.664	(35.425.572.337)
Thu nhập chịu thuế	118.982.284.925	179.233.928.063
Thuế suất thông thường	25%	25%
Giảm trừ thuế nộp thừa năm 2011	-	(1.025.973.136)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.745.571.235	43.782.508.880
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại (iii)	(1.314.631.829)	1.253.454.799
	28.430.939.406	45.035.963.679

Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT và Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT được hưởng ưu đãi thuế dành cho doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm (miễn thuế 4 năm và giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo).

- (i) Lợi nhuận trước thuế của Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT được hưởng ưu đãi thuế.
- (ii) Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất phát sinh bởi các giao dịch bán nội bộ giữa Công ty và công ty con và lỗ trước thuế của các công ty con.
- (iii) Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại và tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chênh lệch tạm thời được khấu trừ thể hiện các khoản doanh thu chưa thực hiện ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho mục đích kế toán nhưng đã bao gồm trong doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm nay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2013 VND	Năm kết thúc 31/12/2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	109.140.869.847	151.546.817.639
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	109.140.869.847	151.546.817.639

Số cổ phiếu:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.076.378	13.771.897

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.753	11.004

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	8.623.945.653	20.547.214.778

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	9.374.645.484	17.131.792.272
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	15.120.981.936	44.319.349.076
Trên năm năm	48.162.784.761	8.802.433.500
	72.658.412.181	70.253.574.848

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Số tiền thuê nhà tại Tầng 5 tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội theo Hợp đồng thuê nhà thời hạn 20 tháng từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/7/2013;
- Số tiền thuê nhà tại Khu chế xuất Tân Thuận theo Hợp đồng thuê số 01-2010/TANTHUAN-FTEL với thời gian thuê từ ngày 01/01/2013 đến ngày 23/9/2041.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.065.560.829	118.718.286.351
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.749.776.519	107.152.314.078
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	4.000.000.000
Ký quỹ ký cược dài hạn	542.419.950	2.737.449.876
Tổng cộng	206.357.757.298	232.608.050.305
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	22.854.478.070	17.344.517.448
Chi phí phải trả	44.337.437.173	32.320.518.713
Tổng cộng	67.191.915.243	49.665.036.161

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210 /2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

1260
HI NI
CÔNG
NHIE
ELO
IET
TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	14.266.237.019	8.571.866.406	2.164.519.276	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với Đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản như sau

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	121.017.177	85.718.664

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

7-00
 BAN
 TY
 HỮU
 ÍT
 BAN
 HỒC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.065.560.829	-	141.065.560.829
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.749.776.519	-	60.749.776.519
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	542.419.950	542.419.950
Tổng cộng	205.815.337.348	542.419.950	206.357.757.298
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	22.854.478.070	-	22.854.478.070
Chi phí phải trả	44.337.437.173	-	44.337.437.173
Tổng cộng	67.191.915.243	-	67.191.915.243
Chênh lệch thanh khoản thuần	138.623.422.105	542.419.950	139.165.842.055
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.718.286.351	-	118.718.286.351
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.152.314.078	-	107.152.314.078
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	2.737.449.876	2.737.449.876
Tổng cộng	229.870.600.429	2.737.449.876	232.608.050.305
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	17.344.517.448	-	17.344.517.448
Chi phí phải trả	32.320.518.713	-	32.320.518.713
Tổng cộng	49.665.036.161	-	49.665.036.161
Chênh lệch thanh khoản thuần	180.205.564.268	2.737.449.876	182.943.014.144

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần FPT
 Công ty Cổ phần Thương mại FPT
 Trường Đại học FPT
 Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT
 Công ty Cổ phần Viễn thông FPT
 Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT
 Công ty Cổ phần Phần mềm FPT

Mối quan hệ

Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn
 Công ty mẹ
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:


	2013 VND	2012 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần FPT	4.000.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	1.937.169.171	142.658.750
Trường Đại học FPT	637.690.205	312.000.000
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	1.044.059.675	194.457.400
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	<u>3.291.563.564</u>	<u>2.165.045.671</u>
Mua hàng và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	93.305.539.357	30.210.831.142
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	2.310.158.059	3.670.184.289
Công ty Cổ phần FPT	8.074.599.645	11.115.000.178
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	1.599.021.188	2.793.767.800
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	2.101.128	-
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	<u>611.800.546</u>	<u>1.872.508.435</u>
Trả cổ tức		
Công ty Cổ phần FPT	15.799.995.000	11.586.663.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	<u>60.117.731.500</u>	<u>43.462.215.500</u>
Lương và thưởng của Ban Giám đốc trong năm	<u>3.076.266.000</u>	<u>3.025.672.727</u>


Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	1.900.037.559	624.943.349
Trường Đại học FPT	27.000.000	-
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	<u>51.005.000</u>	<u>35.200.000</u>
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	4.294.754.951	2.589.293.933
Công ty Cổ phần FPT	<u>3.775.172.642</u>	<u>538.284.032</u>

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán


 Nguyễn Ngọc Duy Sinh
 Người lập biểu


 Hồ Quốc Quân
 Kế toán trưởng


CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT
 QUẬN 3 T. HO CHI MINH
 Nguyễn Văn Khoa
 Giám đốc điều hành
 Ngày 28 tháng 02 năm 2014